CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI VIỆT GROUP DVG

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được kiểm toán
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI VIỆT GROUP DVG
Ký ngày: 29/8/2024 23:32:51

Scanned with CamScanner

MỤC LỤC

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	9 - 28

Scanned with CamScanner

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Việt Group DVG (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đại Việt Group DVG, đổi tên từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Đại Việt (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500478210 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 02 năm 2006 và được thay đổi lần thứ 15 ngày 29 tháng 08 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Miễn nhiệm
Ông Trịnh Văn Nhật	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29/07/2024
Ông Nguyễn Văn Ninh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 29/07/2024
Ông Bùi Văn Thụy	Thành viên	
Ông Hồ Đình Tùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29/07/2024
Ông Vũ Văn Minh	Thành viên	
Bà Dư Thị Vân	Thành viên	
Ông Ngô Ngọc Đỉnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/07/2024

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thùy Linh	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Minh Huệ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hiền	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Bà Dư Thị Vân	Tổng Giám đốc
Ông Chu Văn Lý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Văn Nhật	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Công ty.

Scanned with CamScanner

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0500478210 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI VIỆT GROUP DVG Q.HÀ ĐÔNG - TP.HÀ NỘI

Dư Thị Vân
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2024

Scanned with CamScanner

Số: 31071.1/2024/BCSX/IAV

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI VIỆT GROUP DVG

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đại Việt Group DVG (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 08 năm 2024, từ trang 5 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét 2410 – soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng hàng tồn kho theo quy định. Nếu trích lập dự phòng hàng tồn kho theo quy định thì chỉ tiêu Giá vốn hàng bán (mã số 11) trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ sẽ tăng lên, chỉ tiêu Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (mã số 149) và chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (mã số 421) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ sẽ tăng lên và giảm xuống với cùng số tiền 1,4 tỷ đồng.

Scanned with CamScanner

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ vào kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 đã được soát xét bởi kiểm toán viên và công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận ngoại trừ về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này vào ngày 29 tháng 08 năm 2023.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán. Kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến đối với Báo cáo tài chính hợp nhất này vào ngày 08 tháng 07 năm 2024. Các vấn đề làm cơ sở từ chối đưa ra ý kiến của kiểm toán viên đã được công ty khắc phục toàn bộ đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

M.S.D.N: 0106299213 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

DƯƠNG VĂN THIỆU
Phó Giám đốc
Số giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán:
5353-2020-283-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ QUỐC TẾ

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2024

Scanned with CamScanner

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ *VND*	Số đầu kỳ *VND*
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**97.078.964.377**	**104.993.779.449**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	4.1	**2.979.494.625**	**945.585.440**
1.	Tiền	111		2.979.494.625	945.585.440
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		**-**	**-**
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**40.992.182.745**	**47.156.319.771**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	22.429.382.886	26.232.783.671
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	12.170.973.359	16.123.436.100
3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.5	6.000.000.000	-
4.	Phải thu ngắn hạn khác	136		391.826.500	4.800.100.000
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	4.6	**51.095.661.607**	**54.262.785.272**
1.	Hàng tồn kho	141		52.837.032.939	54.262.785.272
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.741.371.332)	-
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**2.011.625.400**	**2.629.088.966**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	46.636.730	53.688.000
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.964.988.670	2.575.400.966
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**232.515.092.673**	**235.005.183.569**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**-**	**-**
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**74.085.577.490**	**76.679.049.629**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	45.117.027.024	47.642.644.104
	- Nguyên giá	*222*		*61.623.325.772*	*61.623.325.772*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(16.506.298.748)*	*(13.980.681.668)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227	4.9	28.968.550.466	29.036.405.525
	- Nguyên giá	*228*		*29.661.500.000*	*29.661.500.000*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(692.949.534)*	*(625.094.475)*
III.	**Bất động sản đầu tư**	**230**		**-**	**-**
IV.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**-**	**-**
V.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**	4.2	**158.415.715.216**	**158.271.352.293**
1.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		158.415.715.216	158.271.352.293
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**13.799.967**	**54.781.647**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	13.799.967	54.781.647
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**329.594.057.050**	**339.998.963.018**

Scanned with CamScanner

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ *VND*	Số đầu kỳ *VND*
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**22.849.055.729**	**31.735.574.841**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**22.849.055.729**	**31.735.574.841**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	7.698.284.505	14.007.278.851
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.11	13.466.651.696	14.713.545.219
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	170.557.505	113.182.394
4.	Phải trả người lao động	314		265.500.000	604.120.000
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		520.545.460	43.090.908
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	317.700.983	1.844.541.889
7.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		409.815.580	409.815.580
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**-**	**-**
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**306.745.001.321**	**308.263.388.177**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	4.14	**306.745.001.321**	**308.263.388.177**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		280.000.000.000	280.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*280.000.000.000*	*280.000.000.000*
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		(30.000.000)	(30.000.000)
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418		204.907.790	204.907.790
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.474.350.056	22.993.517.262
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*22.993.517.262*	*18.507.699.317*
	- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*(1.519.167.206)*	*4.485.817.945*
5.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5.095.743.475	5.094.963.125
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		**-**	**-**
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**329.594.057.050**	**339.998.963.018**

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Đăng Anh	**Nguyễn Hồng Phong**	**Dư Thị Vân**
		Hà Nội, Việt Nam
		Ngày 28 tháng 08 năm 2024

Scanned with CamScanner

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	5.1	**46.815.625.668**	**23.911.460.160**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)**	**10**		**46.815.625.668**	**23.911.460.160**
4.	Giá vốn hàng bán	11	5.2	45.864.627.798	21.038.813.115
5.	**Lợi nhuận gộp/ (Lỗ) về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	**20**		**950.997.870**	**2.872.647.045**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21		117.411.841	92.151
7.	Chi phí tài chính	22		-	-
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	-
8.	Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		144.362.923	-
9.	Chi phí bán hàng	25	5.3	1.914.512.337	1.266.676.202
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	805.150.788	882.403.227
11.	**Lợi nhuận/ (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))**	**30**		**(1.506.890.491)**	**723.659.767**
12.	Thu nhập khác	31	5.5	1.851.216	1.474.631.144
13.	Chi phí khác	32		8.383.520	146.293
14.	**Lợi nhuận/ (Lỗ) khác (40=31-32)**	**40**		**(6.532.304)**	**1.474.484.851**
15.	**Tổng lợi nhuận/ (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**(1.513.422.795)**	**2.198.144.618**
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.6	4.964.061	144.799.482
17.	(Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18.	**Lợi nhuận/ (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)**	**60**		**(1.518.386.856)**	**2.053.345.136**
19.	**Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ**	**61**		**(1.519.167.206)**	**2.053.345.136**
20.	**Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát**	**62**		**780.350**	**-**
21.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	5.7	**(54)**	**73**

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Đăng Anh	Nguyễn Hồng Phong	Dư Thị Vân

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 08 năm 2024

Scanned with CamScanner

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
(theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			VND	*VND*
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. ***(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế***	01		***(1.513.422.795)***	***2.198.144.618***
2. ***Điều chỉnh cho các khoản:***				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		2.593.472.139	1.648.401.345
Các khoản dự phòng	03		1.741.371.332	-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(261.774.764)	(1.474.385.653)
3. ***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***		***2.559.645.912***	***2.372.160.310***
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.774.549.322	2.766.215.852
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.425.752.333	(2.778.552.302)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(8.871.549.342)	(1.500.598.384)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		48.032.950	14.271.768
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(19.933.831)	(340.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***1.916.497.344***	***533.497.244***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(89.139.525.558)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	90.000.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		117.411.841	92.151
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***117.411.841***	***860.566.593***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**		**2.033.909.185**	**1.394.063.837**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**945.585.440**	**2.057.520.249**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	**70**		**2.979.494.625**	**3.451.584.086**

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Đăng Anh	Nguyễn Hồng Phong	Dư Thị Vân

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 08 năm 2024

Scanned with CamScanner

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại Việt Group DVG, đổi tên từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Đại Việt (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500478210 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 02 năm 2006 và được thay đổi lần thứ 15 ngày 29 tháng 08 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 280.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm tám mươi tỷ đồng). Tổng số cổ phần là 28.000.000 cổ phần.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là Sản xuất và Thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Trong kỳ, hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh sơn xây dựng, bột vả ma tít và các vật liệu xây dựng khác.

1.4. Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5. Cấu trúc Doanh nghiệp

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty Cổ phần Tập đoàn DVH	Hà Nội	94,74	94,74	Sản xuất và Kinh doanh sơn, vật liệu xây dựng
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Dầu khí Quốc tế Việt Mỹ	Hà Nội	48,39	48,39	Sản xuất và Kinh doanh sơn, vật liệu xây dựng
Công ty TNHH Tảo Xoắn Thanh Hóa (*)	Thanh Hóa	37,89	40	Nuôi trồng thủy sản biển

(*) Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Tập đoàn DVH

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Hải Phòng	Xóm 5, Xã Đông Sơn, Huyện Thuỷ Nguyên, Hải Phòng
Địa điểm kinh doanh Thanh Hóa	QL1A, Xã Hoằng Phú, Huyện Hoằng Hoá, Thanh Hoá

Scanned with CamScanner

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

2.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Giả định hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

2.3. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo quy định.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Scanned with CamScanner

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3.3. Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

3.4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3.5. Lãi từ giao dịch mua rẻ

Lãi từ giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi từ giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

3.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Scanned with CamScanner

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

3.8. Các khoản phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3.10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 40 năm
Máy móc và thiết bị	03 - 12 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.
Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Scanned with CamScanner

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 05 năm.

3.12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

3.13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

3.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

3.15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Scanned with CamScanner

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

3.16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.17. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong kỳ và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

3.18. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế trong quá trình bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chủ yếu bao gồm các chi phí lương nhân viên bộ phận bán hàng, chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo và hoa hồng bán hàng.

3.19. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng; chi phí khấu hao; chi phí dự phòng; dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

3.20. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả

Scanned with CamScanner

các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là bên liên quan nếu cùng được kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ *VND*	Số đầu kỳ *VND*
Tiền mặt	1.874.283.661	928.385.358
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.105.210.964	17.200.082
	2.979.494.625	**945.585.440**

Scanned with CamScanner

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Điều chỉnh theo phương pháp VCSH	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Điều chỉnh theo phương pháp VCSH	Giá trị hợp lý
	VND	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*
Công ty Cổ phần Dầu khí Quốc tế Việt Mỹ	125.820.000.000	128.403.712.506	(i)	125.820.000.000	128.238.580.100	(i)
Công ty TNHH Tảo Xoắn Thanh Hóa	30.000.000.000	30.012.002.710	(i)	30.000.000.000	30.032.772.193	(i)
	155.820.000.000	**158.415.715.216**		**155.820.000.000**	**158.271.352.293**	

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý

Scanned with CamScanner

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ *VND*	Số đầu kỳ *VND*
Công ty Cổ phần Đại Nam - Thái Bình	-	5.515.414.542
Công ty Cổ phần TNG Power	3.726.139.766	4.046.639.766
Công ty Cổ phần Vietin Group	5.098.057.008	4.685.565.863
Công ty Cổ phần Nam Việt Group	2.569.553.227	2.569.553.227
Công ty Cổ phần Công nghệ Dược phẩm Quốc tế Đại Việt	1.510.955.522	2.808.956.400
Công ty Cổ phần Sudo Việt Nam	3.850.359.948	154.972.237
Các khoản phải thu khách hàng khác	5.674.317.415	6.451.681.636
	22.429.382.886	**26.232.783.671**
Phải thu ngắn hạn của các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 6.2)	-	**304.041.881**

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ *VND*	Số đầu kỳ *VND*
Công ty Cổ phần Hóa chất Fatin Quốc tế	2.300.837.571	2.300.837.571
Công ty Cổ phần Dầu Khí Quốc Tế Việt Mỹ	1.123.693.815	3.289.436.815
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hưng Đại Nam	3.917.049.258	5.764.880.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Sơn Miền Bắc	338.344.601	760.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Đại Việt *(đổi tên từ Công ty Cổ phần Quốc tế Hưng Đại Việt)*	2.240.802.700	842.998.700
Các khoản trả trước cho người bán khác	2.250.245.414	3.165.283.014
	12.170.973.359	**16.123.436.100**
Trả trước cho người bán ngắn hạn với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 6.2)	**1.362.970.696**	**4.049.436.815**

4.5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Số dư tại ngày 30/06/2024 là khoản Công ty Cổ phần Tập đoàn DVH cho ông Lê Anh Tài vay theo Hợp đồng cho vay tiền số 01/2024/HĐCVT/ĐVH-LAT ngày 06/02/2024 với số tiền cho vay là 6 tỷ đồng, thời hạn cho vay 01 năm, lãi suất 5%/năm.

Scanned with CamScanner

4.6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc *VND*	Dự phòng *VND*	Giá gốc *VND*	Dự phòng *VND*
Nguyên vật liệu	39.743.675.647	(1.741.371.332)	40.864.163.000	-
Thành phẩm	4.310.830.126	-	2.050.069.641	-
Hàng hóa	8.782.527.166	-	11.348.552.631	-
	52.837.032.939	**(1.741.371.332)**	**54.262.785.272**	**-**

4.7. Chi phí trả trước

4.7.1. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ *VND*	Số đầu kỳ *VND*
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	46.636.730	29.688.000
Chi phí khác	-	24.000.000
	46.636.730	**53.688.000**

4.7.2. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ *VND*	Số đầu kỳ *VND*
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	13.799.967	54.781.647
	13.799.967	**54.781.647**

Scanned with CamScanner

4.8. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc *VND*	Máy móc thiết bị *VND*	Phương tiện vận tải *VND*	Tổng cộng *VND*
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	3.197.882.000	55.780.076.499	2.645.367.273	61.623.325.772
Số dư cuối kỳ	3.197.882.000	55.780.076.499	2.645.367.273	61.623.325.772
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu kỳ	862.087.477	10.544.655.524	2.573.938.667	13.980.681.668
Khấu hao trong kỳ	89.908.092	2.382.137.562	53.571.426	2.525.617.080
Số dư cuối kỳ	951.995.569	12.926.793.086	2.627.510.093	16.506.298.748
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu kỳ	**2.335.794.523**	**45.235.420.975**	**71.428.606**	**47.642.644.104**
Tại ngày cuối kỳ	**2.245.886.431**	**42.853.283.413**	**17.857.180**	**45.117.027.024**

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 2.554.519.409 VND, tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 2.378.574.409 VND.

Scanned with CamScanner

4.9. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất *VND*	Phần mềm máy tính *VND*	Tổng *VND*
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	29.271.500.000	390.000.000	29.661.500.000
Số dư cuối kỳ	29.271.500.000	390.000.000	29.661.500.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	315.288.023	309.806.452	625.094.475
Khấu hao trong kỳ	40.007.610	27.847.449	67.855.059
Số dư cuối kỳ	355.295.633	337.653.901	692.949.534
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	**28.956.211.977**	**80.193.548**	**29.036.405.525**
Tại ngày cuối kỳ	**28.916.204.367**	**52.346.099**	**28.968.550.466**

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 270.000.000 VND, tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 270.000.000 VND.

4.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị *VND*	Số có khả năng trả nợ *VND*	Giá trị *VND*	Số có khả năng trả nợ *VND*
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hưng Đại Nam	886.745.600	886.745.600	1.058.745.600	1.058.745.600
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Đại Việt *(đổi tên từ Công ty Cổ phần Quốc tế Hưng Đại Việt)*	-	-	1.464.931.300	1.464.931.300
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Đại Việt	2.859.281.641	2.859.281.641	1.836.022.028	1.836.022.028
Công ty TNHH My.Dream	2.029.785.880	2.029.785.880	2.836.883.600	2.836.883.600
Công ty Cổ phần Nam Việt Group	583.155.750	583.155.750	2.019.155.750	2.019.155.750
Các nhà cung cấp khác	1.339.315.634	1.339.315.634	4.791.540.573	4.791.540.573
	7.698.284.505	**7.698.284.505**	**14.007.278.851**	**14.007.278.851**
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 6.2)	-		**800.852.000**	

Scanned with CamScanner

4.11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ *VND*	Số đầu kỳ *VND*
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hưng Đại Nam	2.072.305.705	1.192.249.250
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sơn Đại Việt *(đổi tên từ Công ty Cổ phần Quốc Tế Hưng Đại Việt)*	934.401.080	2.334.911.080
Công ty Cổ phần Newton Quốc tế	4.992.006.362	3.996.866.218
Các khoản người mua trả tiền trước khác	5.467.938.549	7.189.518.671
	13.466.651.696	**14.713.545.219**
Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 6.2)	-	**20.000.000**

4.12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
		Số phải nộp	Số đã nộp /khấu trừ	
	VND	*VND*	*VND*	*VND*
Thuế giá trị gia tăng	-	4.697.690.055	4.625.345.174	72.344.881
Thuế thu nhập doanh nghiệp	113.182.394	4.964.061	19.933.831	98.212.624
Lệ phí môn bài	-	8.000.000	8.000.000	-
	113.182.394	**4.710.654.116**	**4.653.279.005**	**170.557.505**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.13. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ *VND*	Số đầu kỳ *VND*
Kinh phí công đoàn	12.375.690	12.937.400
Bảo hiểm xã hội	136.338.478	155.214.358
Bảo hiểm y tế	5.024.400	17.581.312
Bảo hiểm thất nghiệp	2.945.600	7.904.154
Phải trả tiền mượn cá nhân không lãi	-	1.493.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	161.016.815	157.904.665
	317.700.983	**1.844.541.889**

Scanned with CamScanner

4.14. Vốn chủ sở hữu

4.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
	VND	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*	*VND*
Số dư đầu năm trước	**280.000.000.000**	**(30.000.000)**	**166.181.593**	**18.623.877.908**	**-**	**298.760.059.501**
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	4.485.817.945	364.140	4.486.182.085
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	5.094.598.985	5.094.598.985
Phân phối lợi nhuận	-	-	38.726.197	(116.178.591)	-	(77.452.394)
Số dư cuối năm trước	**280.000.000.000**	**(30.000.000)**	**204.907.790**	**22.993.517.262**	**5.094.963.125**	**308.263.388.177**
Số dư đầu kỳ này	**280.000.000.000**	**(30.000.000)**	**204.907.790**	**22.993.517.262**	**5.094.963.125**	**308.263.388.177**
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	(1.519.167.206)	780.350	(1.518.386.856)
Số dư cuối Kỳ này	**280.000.000.000**	**(30.000.000)**	**204.907.790**	**21.474.350.056**	**5.095.743.475**	**306.745.001.321**

Scanned with CamScanner

4.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Vốn thực góp *VND*	Tỷ lệ *%*	Vốn thực góp *VND*	Tỷ lệ *%*
Các cổ đông khác	280.000.000.000	100%	280.000.000.000	100%
	280.000.000.000	**100%**	**280.000.000.000**	**100%**

4.14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này *VND*	Kỳ trước *VND*
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	280.000.000.000	280.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	280.000.000.000	280.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

4.14.4. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ *Cổ phiếu*	Số đầu kỳ *Cổ phiếu*
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.000.000	28.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.000.000	28.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*28.000.000*	*28.000.000*
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- *Cổ phiếu phổ thông*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.000.000	28.000.000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*28.000.000*	*28.000.000*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Scanned with CamScanner

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này *VND*	Kỳ trước *VND*
Doanh thu bán hàng hóa	41.056.063.718	17.424.735.160
Doanh thu bán thành phẩm	5.759.561.950	6.486.725.000
	46.815.625.668	**23.911.460.160**
Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 6.2)	**704.677.390**	**-**

5.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này *VND*	Kỳ trước *VND*
Giá vốn của thành phẩm đã bán	39.264.225.184	16.394.369.652
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.859.031.282	4.644.443.463
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.741.371.332	
	45.864.627.798	**21.038.813.115**

5.3. Chi phí bán hàng

	Kỳ này *VND*	Kỳ trước *VND*
Chi phí nhân viên bán hàng	196.534.954	285.749.600
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	9.666.666	9.666.666
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.321.337.318	971.259.936
Chi phí dịch vụ mua ngoài	386.973.399	-
	1.914.512.337	**1.266.676.202**

5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này *VND*	Kỳ trước *VND*
Chi phí nhân viên quản lý	362.101.064	398.053.000
Chi phí vật liệu quản lý, công cụ dụng cụ	14.589.281	2.540.760
Chi phí khấu hao tài sản cố định	168.007.467	96.321.066
Thuế, phí và lệ phí	8.000.000	6.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	109.082.613	222.482.697
Chi phí bằng tiền khác	143.370.363	157.005.704
	805.150.788	**882.403.227**

5.5. Thu nhập khác khác

	Kỳ này *VND*	Kỳ trước *VND*
Lãi từ giao dịch mua rẻ	-	1.474.293.502
Thu nhập khác	1.851.216	337.642
	1.851.216	**1.474.631.144**

Scanned with CamScanner

5.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này *VND*	Kỳ trước *VND*
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	-	144.799.482
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty con	4.964.061	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**4.964.061**	**144.799.482**

5.7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 chi tiết như sau:

	Kỳ này *VND*	Kỳ trước *VND*
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.519.167.206)	2.053.345.136
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.519.167.206)	2.053.345.136
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	28.000.000	28.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**(54)**	**73**

5.8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này *VND*	Kỳ trước *VND*
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	5.303.587.736	15.372.983.173
Chi phí nhân công	845.230.680	3.998.440.806
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.593.472.139	3.267.155.299
Thuế, phí và lệ phí	8.000.000	6.000.000
Chi phí dự phòng	1.741.371.332	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	924.248.520	843.131.800
Chi phí khác bằng tiền	164.915.817	193.070.165
	11.580.826.224	**23.680.781.243**

Scanned with CamScanner

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC

6.1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

6.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

6.2.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng thu nhập Ban Điều hành và thù lao của Hội đồng Quản trị được hưởng trong kỳ như sau:

	Chức danh	Kỳ này *VND*	Kỳ trước *VND*
Hội đồng quản trị			
Ông Nguyễn Văn Ninh	Chủ tịch	-	-
Ông Bùi Văn Thụy	Thành viên	-	-
Ông Hồ Đình Tùng	Thành viên - Tổng Giám đốc	41.435.001	68.495.384
Ông Vũ Văn Minh	Thành viên	30.946.154	51.820.385
Ông Nguyễn Hữu Dương	Thành viên	-	-
Bà Dư Thị Vân	Thành viên - Tổng Giám đốc	-	-
Ban Kiểm soát			
Bà Nguyễn Thùy Linh	Trưởng ban	-	-
Bà Trương Thị Mai	Trưởng ban	-	36.851.154
Bà Nguyễn Thị Minh Huệ	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Thị Hiền	Thành viên	30.258.462	-
Ban Điều hành			
Ông Chu Văn Lý	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Trịnh Văn Nhật	Phó Tổng Giám đốc	-	-
		102.639.616	**157.166.923**

Scanned with CamScanner

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

6.2.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Danh sách bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Địa chỉ	Mối quan hệ
Công ty CP Dầu khí Quốc tế Việt Mỹ	Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tảo Xoắn Thanh Hóa	Thanh Hóa	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty CP Sản xuất Sơn Miền Bắc	Hà Nội	Bên liên quan với Thành viên HĐQT

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong kỳ kế toán này có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các công ty có liên quan như sau:

	Kỳ này *VND*	Kỳ trước *VND*
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Tảo xoắn Thanh Hóa	704.677.390	-
	704.677.390	**-**

	Kỳ này *VND*	Kỳ trước *VND*
Mua hàng hóa dịch vụ		
Công ty Cổ phần Dầu khí Quốc tế Việt Mỹ	286.130.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Sơn Miền Bắc	6.314.404.800	-
	6.600.534.800	**-**

Scanned with CamScanner

Số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên liên quan khác

	Số cuối kỳ *VND*	Số đầu kỳ *VND*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**-**	**304.041.881**
Công ty Cổ phần Sản xuất sơn Miền Bắc	-	304.041.881
Trả trước cho người bán ngắn hạn	**1.462.038.416**	**4.049.436.815**
Công ty Cổ phần Dầu Khí Quốc Tế Việt Mỹ	1.123.693.815	4.049.436.815
Công ty Cổ phần Sản xuất Sơn Miền Bắc	338.344.601	627.442.552
Phải trả người bán ngắn hạn	**-**	**800.852.000**
Công ty Cổ phần Sản xuất Sơn Miền Bắc	-	800.852.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	**-**	**20.000.000**
Công ty TNHH Tảo Xoắn Thanh Hóa	-	20.000.000

6.3. Thông tin về bộ phận

Công ty không phải lập báo cáo bộ phận do không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

6.4. Những khoản nợ tiềm tàng

Những phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

6.5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Đăng Anh	Nguyễn Hồng Phong	Dư Thị Vân

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 08 năm 2024

Scanned with CamScanner